

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân

Đợt 62: Bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống của 16 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng đất nông nghiệp thuộc địa bàn xã Phước Sơn

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc Ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại Tờ trình số 1498/TTr-BQLGT ngày 04/6/2023 và Biên bản cuộc họp ngày 08/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống của 16 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng đất nông nghiệp thuộc địa bàn xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, với nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 16 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thuộc địa bàn xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là: **101.081.000 đồng** (Một trăm lẻ một triệu, không trăm tám mươi một ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí hỗ trợ ổn định đời sống: 99.099.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 1.982.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn chi phí bồi thường, GPMB của dự án nêu trên.

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các cá nhân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dự án: Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân
Đợt 62: Bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống của 16 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng đất nông nghiệp
thuộc địa bàn xã Phước Sơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
A	Các hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp bị thu hồi từ 10% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (10hộ)								
1	Nguyễn Thanh Tiến	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	23	700	657,4	640,8	16,6	1.089.000	1.089.000
2	Nguyễn Văn Hùng, vợ Trần Thị Quang	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	557	363,6	347,1	16,5	5.445.000	5.445.000
3	Đặng Ngọc Hùng	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	29	391	645,4	208,1	437,3	2.178.000	2.178.000
			30	201	874,2	146,3	727,9		
4	Lê Thị Tình	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	23	972	740,3	168,0	572,3	2.178.000	2.178.000
5	Nguyễn Thị Sáu	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	29	863	723,3	518,0	205,3	3.267.000	3.267.000
6	Phan Thị Dung	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	23	1116	263,2	223,4	39,8	3.267.000	3.267.000
7	Trần Anh Tuấn	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	23	953	1.630,5	278,8	1.351,7	3.267.000	3.267.000
8	Trần Minh Thành	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	23	977	1.063,7	47,5	1.016,2	6.534.000	6.534.000
			23	1082	503,9	321,0	182,9		

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích bị thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
9	Trần Thị Dur	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	29	843	762,8	635,7	127,1	1.089.000	1.089.000
10	Trần Văn Hòa	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	30	1	574,6	429,8	144,8	5.445.000	5.445.000
B	Các hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp bị thu hồi từ 30% đến dưới 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (3 hộ)								
11	Phùng Đình Tài, vợ Trịnh Thị Bưởi	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	490	1.883,2	1.295,7	587,5	8.712.000	8.712.000
12	Trình Thị Trọt - Con ĐDKK: Nguyễn Ngọc Cường	Thôn Lộc Trung, xã Phước Sơn	15	795	1.326,1	396,6	929,5	4.356.000	4.356.000
13	Nguyễn Phú Cường	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	29	447	1.576,0	569,3	1.006,7	8.712.000	8.712.000
			29	751	1.066,1	750,0	316,1		
C	Các hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (3 hộ)								
14	Trần Văn Em, vợ Nguyễn Thị Xuân Lý	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	353	1.155,5	917,4	238,1	4.356.000	4.356.000
15	Hồ Thị Chân	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	23	975	532,5	532,5	-	17.424.000	17.424.000
16	Trần Minh Châu	Thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn	29	918	658,2	503,6	154,6	21.780.000	21.780.000
I	Tổng cộng chi phí bồi thường, hỗ trợ				17.000,5	8.929,6	8.070,9	99.099.000	99.099.000
II	Chi phí phục vụ công tác GPMB (I x 2%)								1.982.000
III	Tổng cộng (I+II)								101.081.000